TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày: 20-02-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 891/2024/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc *"tranh chấp về thừa kế tài sản"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 635/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 172/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Huỳnh M, sinh năm 1967. Địa chỉ: số I đường K, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974. Địa chỉ: 5 đường D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Cao Thị L, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bà Huỳnh Ngọc G, sinh năm 1998 (có mặt).

3. Bà Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1999 (có mặt).

Cung địa chỉ: số B đường D, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đỗ Đình N, sinh năm 1984. Địa chỉ: B chung cư F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1975. Địa chỉ: số B đường D, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ của ông T: ông Huỳnh M, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số I đường K, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bà Huỳnh Ngọc L1 (HUYNH, Lan N1), sinh năm 1970. Địa chỉ: A I Ave NW Edmonton AB T 1Y2 Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: bà Lê Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: số I đường K, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ông Huỳnh Tấn L2, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Bà Huỳnh N2, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Trẻ Huỳnh Tấn P1, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ P1: ông Huỳnh M và bà Lê Thị H (có mặt).

Cùng địa chỉ: số I đường K, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số A đường T, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Huỳnh M và bị đơn bà Cao Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh M *có ông* Nguyễn Quốc D *là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Huỳnh M có cha là ông Huỳnh Q1 và mẹ là bà Lê Thị X. Cha mẹ ông M kết hôn năm 1972 theo Trích lục kết hôn số 654/2022/TLKH-BS do UBND phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp 19/10/2022; có tất cả 04 người con, gồm:

Nguyên đơn ông Huỳnh M, sinh năm 1967.

Ông Huỳnh T1, sinh năm 1968, chết năm 2014, theo Trích lục khai tử số 119/TLKT BS do UBND phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2021. Ông Huỳnh T1 có vợ là bà Cao Thị L và 02 con là Huỳnh Ngọc G và Huỳnh Ngọc Q.

- Bà Huỳnh Ngọc L1 (HUYNH, Lan N1), sinh năm 1970, theo Giấy khai sinh (bản sao) số 2555 do UBND thị trấn T, huyện T, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/1984.

- Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1975 theo Giấy khai sinh số 425 do Phòng Tư pháp thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2022.

Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ nguyên đơn có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ: B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Cha nguyên đơn chết ngày 28/03/1992, theo Giấy chứng tử số: 40, quyền số 01/92 do UBND thị trấn T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/1992. Ông Huỳnh Q1 không để lại di chúc. Ông nội tên Huỳnh D1, bà nội tên Phụng N3. Ông bà nội chết trước cha nguyên đơn và không có giấy chứng tử.

Mẹ nguyên đơn chết ngày 28/8/2021, theo Trích lục khai tử số 430/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2021. Ông ngoại tên Lê Văn B, bà ngoại tên Nguyễn Thị X1. Ông bà ngoại chết trước mẹ nguyên đơn và không có giấy chứng tử.

Mẹ nguyên đơn chết có để lại di chúc (Bản di chúc lập ngày 10/9/2020 do Phòng C1 chứng nhận, số chứng nhận 16399). Theo nội dung Bản di chúc thì khi mẹ chết, nguyên đơn sẽ được thừa kế toàn bộ phần quyền sở hữu, sử dụng của mẹ và phần quyền sở hữu, sử dụng mà mẹ được thừa kế của cha đối với nhà và đất tại địa chỉ B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi mẹ chết, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà Cao Thị L, Huỳnh Ngọc G và Huỳnh Ngọc Q chia di sản của cha mẹ nguyên đơn để lại là nhà và đất tại địa chỉ 2A Dương Văn C, khu phố D, phương L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà Cao Thị L, Huỳnh Ngọc G và Huỳnh Ngọc Q không đồng ý chia, việc này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia di sản của cha mẹ nguyên đơn để lại là nhà và đất tại địa chỉ B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn được hưởng 7/10 di sản là nhà và đất tại địa chỉ B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn yêu cầu được nhận nhà và đất tại địa chỉ B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), T phổ Hồ Chí M1 và trả giá trị di sản, tính bằng tiền cho những người thừa kế khác.

Hiện nay, tại nhà đất tranh chấp có bà Huỳnh Ngọc Q đang ở, bà Cao Thị L cố ý vào nhà để kinh doanh buôn bán từ sáng đến tối rồi về nhà khác ở chứ không ở tại căn nhà này.

Nguyên đơn không đồng ý đối với yêu cầu đề nghị được xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà X của bà L. Thứ nhất, lời trình bày rằng bà Cao Thị L chăm sóc bà Lê Thị X là không đúng, ông M1 là người chở bà X đi bệnh viện, đóng tiền viện phí, mua thuốc. Thứ hai, bà L chăm sóc ông Huỳnh T1 là không đúng, từ lúc ông T1 bệnh nằm liệt giường thì ông M1 cũng là người chở ông T1 đi bệnh việc và chăm sóc, thực tế bà L và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2010. Thứ ba, bà L không sửa chữa nhà đất tranh chấp, chỉ thuê để kinh doanh buôn

bán, việc sửa chữa là có nhưng đều do bà X bỏ chi phí sửa chữa như sửa nhà vệ sinh, sơn phết lại nhà.

Đối với yêu cầu hủy di chúc của bà Lê Thị X cho ông Huỳnh M, nguyên đơn không đồng ý, do di chúc đã lập hợp lệ, đúng quy định pháp luật.

Ông Đỗ Đình N *là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà* Cao Thị L*, bà* Huỳnh Ngọc G*, bà* Huỳnh Ngọc Q *trình bày:*

Cha mẹ ông Huỳnh M là ông Huỳnh Q1 (chết ngày 28/03/1992) và bà Lê Thị X (chết ngày 28/08/2021) có tạo lập được tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số: 36, tờ bản đồ số: 71, diện tích 51,9m², tọa lạc tại địa chỉ: B D, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: CE 121708 do UBND quận T (nay là thành phố T) cấp ngày 17/11/2016 cho bà Lê Thị X và những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của ông Huỳnh Q1.

Sinh thời, ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị X có 04 (bốn) người con ruột (không có con nuôi, con riêng) gồm:

1. Huỳnh M, sinh năm 1967.

2. Huỳnh T1, sinh năm 1968.

3. Huỳnh Ngọc L1, sinh năm 1970.

4. Huỳnh Công T, sinh năm 1975.

Trong các người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông M có ông Huỳnh T1 đã chết vào năm 2014. Theo quy định pháp luật về chia di sản thừa kế thì phần tài sản của ông Huỳnh T1 sẽ để lại cho vợ và 02 người con gồm:

1. Cao Thị L (vợ ông Huỳnh T1)

2. Bà Huỳnh Ngọc G (con ruột ông Huỳnh T1)

3. Huỳnh Ngọc Q (con ruột ông Huỳnh T1).

Việc bà Lê Thị X lập Di chúc ngày 10/9/2020 để lại toàn bộ phần quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của bà X và phần bà X được thừa kế của ông Huỳnh Q1 đối với căn nhà tài sản nêu trên sẽ để lại cho ông Huỳnh M là không hợp lý, bởi lẽ:

Bà G và bà Q đã cùng sinh sống với bà Lê Thị X từ khi sinh ra, được bà X (bà nội) chăm sóc và yêu thương. Từ lúc cha và ông nội qua đời thì bà nội sức khỏe bị suy yếu dần, thường xuyên phải nhập viện thì mẹ cùng hai con là bà G và bà Q cùng nhau chăm sóc, phụng dưỡng, an ủi, động viên bà X. Bà X thường xuyên tâm sự thấy các cháu của mình phải mồ côi cha sớm, bà muốn bù đắp phần nào cho các cháu nên di nguyện của bà là để lại phần tài sản mà bà có được cho cháu G và cháu Q.

Do đó, vào ngày 09/8/2018, tại Văn phòng C2, số I K, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị X đã lập Di chúc để lại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà X và phần bà X được hưởng từ ông

Huỳnh Q1 để lại cho bà Huỳnh Ngọc G và bà Huỳnh Ngọc Q theo ý chí tự nguyện. Việc bà nội để lại di sản thừa kế cho cháu ruột là hoàn toàn hợp lý, thể hiện tình cảm máu mủ giữa bà nội và cháu gái, bù đắp mất mát vì các cháu mồ côi cha sớm.

Thứ hai, việc bà Lê Thị X lập di chúc số công chứng 16399, quyển số 9TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C1, thành phố Hồ Chí Minh để lại toàn bộ phần quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của bà X và phần quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất bà X được thừa kế của ông Huỳnh Q1 cho ông Huỳnh M là không hợp pháp.

Tại thời điểm lập di chúc trên, bà Lê Thị X thường xuyên phải nhập viện, phải sử dụng thuốc trong thời gian dài *(đính kèm hồ sơ bệnh án của bà* Lê Thị X*)*. Do đó, bị đơn cho rằng Giấy khám sức khỏe tâm thần do Bệnh viện quận T cấp ngày 07/09/2020 và Giấy chứng nhận sức khỏe do Công ty T3 Bệnh viện Đ, Tp . cấp ngày 11/08/2020 thể hiện sức khỏe của bà X đủ điều kiện để lập di chúc là hoàn toàn bất hợp lý.

Vì lẽ đó, các bị đơn cho rằng vào thời điểm này, tinh thần của bà X không được minh mẫn để lập di chúc theo quy định tại Điều 630 Bộ luật dân sự 2015. Văn bản di chúc do bà Lê Thị X lập ngày 10/9/2020 vi phạm quy định pháp luật về hình thức nên cần tuyên bố vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2015. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh M, các bị đơn không đồng ý vì cho rằng di chúc được lập không đúng theo quy định pháp luật.

Căn cứ theo Điều 117, Điều 118, Điều 122, Điều 624, Điều 630, Điều 640, Điều 643 Bộ luật dân sự 2015; Điều 48, Điều 56 Luật công chứng 2014, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị X, bị đơn bà Huỳnh Ngọc Q có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu sau:

- Yêu cầu tuyên Di chúc do bà Lê Thị X lập ngày 10/9/2020, số công chứng 16399, quyển số 9TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh để lại toàn bộ phần quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của bà X và phần quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất bà X được thừa kế của ông Huỳnh Q1 cho ông Huỳnh M vô hiệu.

Nguyên đơn trình bày không đúng, thực tế bà L và ông T1 không có sống ly thân, bà L cũng không có nhà riêng, bà L đang sinh sống cùng bà Q tại nhà đất đang tranh chấp.

Tại phiên họp ngày 08/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà L nộp đơn phản tố đề ngày 05/7/2024 về việc yêu cầu Tòa án xem xét công sức giữ gìn, bảo quản, tôn tạo đối với nhà đất đang tranh chấp, yêu cầu xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản là bà Lê Thị X. Đề nghị Tòa án chia cho bà L 01 suất thừa kế từ di sản bà X để lại. Tòa án đã giải thích về việc bổ sung cụ thể yêu cầu tại đơn phản tố và tài liệu chứng cứ kèm theo, ông N trình bày sẽ bổ sung đơn và tài liệu, chứng cứ (nếu có) trong vòng 03 – 05 ngày làm việc. Tuy nhiên đến ngày Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà L vẫn chưa nộp lại

đơn phản tố cùng các tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Bà L, bà G và bà Q đồng ý chia thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Q1 để lại là 1/2 nhà đất cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Q1 gồm bà Lê Thị X, ông Huỳnh M, những người thừa kế của ông Huỳnh T1, ông Huỳnh Công T, bà Huỳnh Ngọc L1. Phần của bà X được hưởng từ ông Huỳnh Q1 sẽ do bà G và bà Q hưởng theo di chúc.

Tại phiên tòa, phía bị đơn cung cấp cho Tòa án Tờ khước từ di sản của bà Huỳnh Ngọc L1 vào ngày 04/9/1998 với nội dung bà L1 xin khước từ phần thừa kế của bà L1 tại nhà đất 2A Dương Văn C và cho lại mẹ ruột là bà X. Bị đơn cho rằng bà L1 không còn tư cách tham gia tố tụng trong vụ án chia thừa kế nhà đất 2A Dương Văn C.

Bà Lê Thị H *là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Huỳnh Ngọc L1 *(HUYNH,* Lan N1*) trình bày:*

Bà Huỳnh Ngọc L1 đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước đây bà L1 có nghe thông tin về việc bà Lê Thị X có di chúc để lại nhà đất đang tranh chấp cho cháu là bà Huỳnh Ngọc G và bà Huỳnh Ngọc Q nhưng sau đó bà X thay đổi quyết định, lập di chúc mới để lại di sản cho con trai trưởng là ông Huỳnh M.

Khi còn sống, ông Huỳnh T1 bị bệnh nặng. Ông Huỳnh M là người chở đi khám bệnh, cho tiền mua thuốc và chăm sóc ông T1.

Bà L1 không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Q do di chúc bà X để lại tài sản cho ông M đã được làm hợp lệ, đúng quy định pháp luật. Lời trình bày của bà L về việc chăm sóc bà X là không đúng, thực chất bà X là người chăm sóc, nuôi cháu. Căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng từ trước cho đến nay, bà L không có công sức tôn tạo đối với căn nhà.

Vào năm 1998, bà L1 có Tờ khước từ di sản của cha mẹ để lại nhưng hiện nay bà L1 đã thay đổi ý kiến, bà L1 không còn khước từ quyền nhận di sản của cha để lại và cho mẹ là bà X nữa. Về phần thừa kế mà bà L1 được hưởng từ di sản của ông Q1 và bà X, bà L1 đồng ý cho ông M được hưởng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 635/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh M.

- Xác định nhà đất tại số B D, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của bà Lê Thị X và các đồng thừa kế của ông Huỳnh Q1 gồm vợ là bà Lê Thị X và các con là ông Huỳnh M, ông Huỳnh T1, bà Huỳnh Ngọc L1, ông Huỳnh Công T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE121708, số vào sổ cấp GCN: CH02104 của UBND quận T (nay là thành phố T) ngày 17/11/2016.

- Nhà đất số 2A Dương Văn C, khu phố D, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế theo pháp luật và theo di chúc cụ thể như sau:

1/ Ông Huỳnh M được hưởng 56,458 % giá trị nhà đất;

2/ Ông Huỳnh Công T được hưởng 20,417% giá trị nhà đất. Ông T có ông Huỳnh M là người giám hộ.

3/ Bà Huỳnh Ngọc G được hưởng 2,5% giá trị nhà đất;

4/ Bà Huỳnh Ngọc Q được hưởng 2,5% giá trị nhà đất;

5/ Bà Cao Thị L được hưởng 18,125% giá trị nhà đất.

- Giao nhà đất 2A Dương Văn C cho ông Huỳnh M được toàn quyền sở hữu, sử dụng; ông M có trách nhiệm hoàn trả cho các đồng thừa kế có tên nêu trên số tiền tương đương kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng. Giá trị nhà đất được xác định tại thời điểm thi hành án.

- Sau khi ông Huỳnh Minh hoàn T2 nghĩa vụ trả tiền thì ông M được quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục đứng tên sử dụng, sở hữu đối với nhà đất tại số B D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định, căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE121708, số vào sổ cấp GCN: CH02104 của UBND quận T (nay là thành phố T) cấp ngày 17/11/2016. Bà Cao Thị L, bà Huỳnh Ngọc G, bà Huỳnh Ngọc Q và những người đang cư trú tại nhà đất số B D phải có trách nhiệm thu dọn đồ đạc của mình để bàn giao nhà đất cho ông Huỳnh M.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Huỳnh Minh K hoàn tất nghĩa vụ trả tiền thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi nhà đất để nhận kỷ phần mà họ được hưởng, sau khi trừ đi chi phí cần thiết cho việc thi hành án. Giá trị nhà đất được xác định tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, lần lượt ngày 23 và 24 tháng 9/2024 nguyên đơn ông Huỳnh M và bị đơn bà Cao Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Minh D2 ông Nguyễn Văn P làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo và trình bày: bà L không chăm sóc bà X vì bà L vừa phải chăm sóc chồng, vừa phải nuôi 02 con, toàn bộ chi phí nuôi dưỡng bà X là do ông Huỳnh M gửi về. Bà L không thuộc hàng thừa kế, cũng không thuộc những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Bà X trước khi chết đã để lại toàn bộ di sản cho ông M nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chia như vậy là không tôn trọng ý chí, nguyện vọng do người đã mất để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Đình N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo tỉ lệ đối với bà L là quá thấp. Bà L đã làm dâu được 30

năm, bà L luôn toàn tâm toàn ý nuôi dưỡng mẹ chồng, chồng và con. Ngoài ra, bà L còn đóng góp công sức vào việc gìn giữ, làm tăng giá trị di sản thừa kế là rất lớn. Theo quy định tại Án lệ số 05 thì bà L phải được hưởng thừa kế đối với công sức của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị L.

Bà Lê Thị H *trình bày:* tôi đồng ý với quan điểm của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về tố tụng: cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đúng Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm khi tuyên xử đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là phù hợp với các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn L2, bà Huỳnh N2 và Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu là trích lục kết hôn, giấy chứng tử, giấy khai sinh, văn bản xác minh của Công an phường L, thành phố T, có đủ cơ sở để xác định ông Huỳnh Q1 (sinh năm 1944, chết năm 1992) và bà Lê Thị X (sinh năm 1954, chết năm 2021) là vợ chồng. Ông M và bà X chung sống có 04 người con gồm:

1. Ông Huỳnh M, sinh năm 1967.

2. Ông Huỳnh T1, sinh năm 1968, chết năm 2014. Hàng thừa kế của ông Huỳnh T1 gồm vợ là bà Cao Thị L, sinh năm 1976 cùng 02 người con chung là bà Huỳnh Ngọc G, sinh năm 1998 và bà Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1999.

3. Bà Huỳnh Ngọc L1 (HUYNH, Lan N1), sinh năm 1970.

4. Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1975. Ông T là người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 2304/2023/QĐST-VDS ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh M là người giám hộ của ông T theo Sổ đăng ký giám hộ số 07/2023 ngày 26/12/2023 của UBND phường L, thành phố T, Theo lời trình bày của các đương sự thì cha mẹ ông Q1 là ông Huỳnh D1,

bà Phụng N3, chết trước ông Q1; cha mẹ bà X là ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị X1, chết trước bà X.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định người thừa kế theo pháp luật của của ông Huỳnh Q1 bao gồm vợ là bà Lê Thị X cùng các con là ông Huỳnh M, ông Huỳnh Công T, bà Huỳnh Ngọc L1, ông Huỳnh T1; người thừa kế theo pháp luật của bà X gồm: ông Huỳnh M, ông Huỳnh Công T, bà Huỳnh Ngọc L1, ông Huỳnh T1 (ông Huỳnh T1 chết có người thừa kế là bà Huỳnh Ngọc G, bà Huỳnh Ngọc Q và bà Cao Thị L) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Căn cứ vào nguồn gốc và sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE121708, số vào sổ cấp GCN: CH02104 của UBND quận T (nay là thành phố T) ngày 17/11/2016, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 51,9m^2 và nhà ở diện tích xây dựng 51,9m^2, diện tích sàn 132,5m^2, tọa lạc tại số B D, phường L, quận T thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của bà Lê Thị X và các đồng thừa kế của ông Huỳnh Q1 gồm vợ là bà Lê Thị X, các con là ông Huỳnh M, ông Huỳnh T1, bà Huỳnh Ngọc L1, ông Huỳnh Công T; đồng thời xác định di sản thừa kế của bà X trong khối tài sản trên là 62,5% giá trị nhà và đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Mặc dù bà X để lại di chúc cho ông M toàn bộ di sản thuộc quyền sở hữu của bà trong căn nhà số B Dương Văn C nhưng do ông T là người mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động nên được hưởng 2/3 một suất thừa kế của người thừa kế theo pháp luật mà không phụ thuộc vào di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ Luật dân sự. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát các cấp không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại nội dung này.

[2.4] Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định: bà L là người ở chung 25 năm với bà X và có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bà X trong cuộc sống hàng ngày cho đến khi bà X chết; đồng thời, bà L cũng có công gìn giữ di sản nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chia cho bà L được hưởng một phần di sản của bà X mà không phụ thuộc vào di chúc, tương đương với một suất thừa kế của người thừa kế theo pháp luật là 15,625% giá trị nhà, đất là phù hợp.

[2.5] Ông Huỳnh M kháng cáo cho rằng, việc chăm sóc cha mẹ là nghĩa vụ của các con không phải của riêng ai và là đạo lý nên không đồng ý chia thừa kế của bà X cho bà L nhưng pháp luật cũng thừa nhận quyền lợi của người có công chăm sóc người để lại di sản cũng như công sức gìn giữ di sản như nội dung Án lệ số 05/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 đã nêu nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.

[2.6] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L cho rằng bà cùng gia đình đã sửa chữa, nâng nền nhà, làm tăng giá trị của di sản thừa kế nên bà phải được chia 30% giá trị nhà, đất nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Năm 2016, ông Q1 chết, bà X và các thừa kế của ông Q1 lập kê khai di sản này nhưng bà L không yêu cầu phải trả tiền sửa chữa nhà cho bà; sau khi bà X chết, bà L thừa

nhận không sửa chữa gì thêm mà chỉ ở nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M, bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh M và bị đơn bà Cao Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 635/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh M, bà Cao Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông M, bà L đã nộp theo các biên lai thu tiền lần lượt số 0041390 và 0041401 cùng ngày 01/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Văn An	**Trần Văn Đạt**	**Nguyễn Thị Cúc**